

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 02- 2024

V/v Xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Long.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân; ông Hà Văn Cương.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lầu Bá Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc: Xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 19/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: A Bùi Minh D, sinh năm 1990, nơi cư trú: Bản Tiên S, xã Chiềng Kh, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt).

Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1991, nơi cư trú: Bản Tiên S, xã Chiềng Kh, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 09/11/2023 và bản tự khai ngày 10/11/2023 nguyên đơn A Bùi Minh D trình bày:

A D và chị L qua thời gian tìm hiểu kết hôn với nhau vào ngày 21/02/2014 trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện, không có sự ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn A chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 07 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan

điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, hai vợ chồng đã sống ly thân được hơn 06 tháng. Vì nguyên nhân như vậy nên A D thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với chị L được nữa nên A D đề nghị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Phương L, sinh ngày 18/12/2014 và Bùi Duy A, sinh ngày 27/3/2017. Khi ly hôn A D có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung và yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng / 1 tháng cho 01 con, tổng mức cấp dưỡng cho cả 02 con là 2.000.000 đồng cho cả 02 con, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2023.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một mảnh đất ở tổ 8, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đất đã được cấp giấy CNQSDĐ mang tên ông Bùi Minh D và bà Trần Thị L, A D đề nghị chia đôi phần tài sản trên.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ số tiền 90.000.000 đồng của em gái A D là chị Bùi Thị Mai Hương ở bản Tiên Sơn, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, vợ chồng A, chị vay mục đích để chi tiêu vào việc gia đình, khi vay tiền hai bên không viết giấy vay tiền, nay A D đề nghị vợ chồng đều phải có trách nhiệm trả nợ cho chị Bùi Thị Mai Hương.

Ngày 31/12/2023 A Bùi Minh D đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Thời gian vừa qua A D có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với vợ là Trần Thị L, trong đơn có yêu cầu tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng là một mảnh đất tại thành phố Sơn La đất đã được cấp giấy CNQSDĐ mang tên hai vợ chồng và yêu cầu giải quyết phần nợ chung của vợ chồng nợ em gái A D là chị Bùi Thị Mai Hương số tiền là 90.000.000 đồng. Nay A D xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án ly hôn này, không đề nghị tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu phân chia trách nhiệm trả nợ chung, A D cũng xin rút yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi các con đối với chị L.

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập chị Trần Thị L hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định nhưng chị L đều không có mặt để giải quyết việc ly hôn tại Tòa án, do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị L về yêu cầu giải quyết ly hôn của A D đối với chị L. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị L cư trú, kết quả: vợ chồng A D, chị L kết hôn từ năm 2014 và có thời gian dạy học tại tỉnh Lai Châu, hiện nay A D đã chuyển công tác về dạy học tại xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vợ chồng đang sống ly thân chị L đang đi làm xa thỉnh thoảng có về nhà rồi lại đi. Về con chung A, chị có 02 con chung là Bùi Phương L, sinh ngày 18/12/2014 và Bùi Duy A, sinh ngày 27/3/2017, hiện nay các con chung đang sống cùng A D.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu quan điểm nội dung vụ án:

Về nội dung vụ án: A D và chị L có đăng ký kết hôn vào ngày 21/02/2014 và được UBND xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu cấp đăng ký kết hôn, căn cứ các Điều 8, 9 Luật hôn nhân gia đình về điều kiện đăng ký kết hôn thì đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn chính của vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung và đang sống ly thân, quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân của A D và chị L đã trầm trọng, việc nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình ly hôn theo yêu cầu một bên. Đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu đơn xin ly hôn của A Bùi Minh D, tuyên xử cho A Bùi Minh D được ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Giao các con chung là Bùi Phương L, sinh ngày 18/12/2014 và Bùi Duy A, sinh ngày 27/3/2017 cho A D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con do A D rút yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: A Bùi Minh D rút yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên tài liệu hồ sơ vụ án, kết quả tại biên bản tiến hành hòa giải một bên, các chứng cứ đã thu thập. Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] Về thẩm quyền tố tụng: Bị đơn Trần Thị L có hộ khẩu thường trú tại bản Tiên Sơn, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La được Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Sau khi A D có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự, A D xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; chị Trần Thị L đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng chị L đều không có mặt nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: A Bùi Minh D kết hôn với chị Trần Thị L trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nậm Han, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây

là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống A D và chị L sống không hạnh phúc trong cuộc sống luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, đã sống ly thân được hơn 06 tháng. Chị L không có mặt tại tòa án để giải quyết thể hiện ý chí thiếu trách nhiệm, không quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình, không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn của A D và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc A D xin ly hôn với chị L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của A D xin ly hôn với chị L.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Phương L, sinh ngày 18/12/2014 và Bùi Duy A, sinh ngày 27/3/2017. A D có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng; bên cạnh đó, quá trình xác minh tại địa phương cho thấy kể từ khi A D và chị L ly thân đến nay việc trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung vẫn do A D chăm sóc, nuôi dưỡng và cho ăn học đầy đủ. Do vậy để đảm bảo mọi quyền lợi cho con chung, để trẻ nhỏ có thể phát triển tốt nhất cần chấp nhận yêu cầu của A D, tiếp tục để 02 con chung cho A D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật, chị L không phải cấp dưỡng nuôi các con chung cùng A D do A D rút yêu cầu. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Ngày 31/12/2023 A D đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không đề nghị tòa án giải quyết phân chia về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng trong vụ án này, về phần cấp dưỡng nuôi con A D cũng không đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng A D. Điều này cũng được thể hiện tại buổi làm việc ngày 03/01/2024 của tòa án khi chị L vắng mặt không có lý do thì A D cũng có ý kiến xin rút yêu cầu về giải quyết phân chia tài sản chung cùng khoản nợ chung của vợ chồng và không đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Các ý kiến trên của A D là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: A Bùi Minh D sẽ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự có giá ngạch đã nộp sau khi trừ đi phần án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 210; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của A Bùi Minh D đối với chị Trần Thị L.

- Xử cho A Bùi Minh D được ly hôn chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Giao các con chung là Bùi Phương L, sinh ngày 18/12/2014 và Bùi Duy A, sinh ngày 27/3/2017 cho A Bùi Minh D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng A Bùi Minh D và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

4. Về nợ chung: Không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: A Bùi Minh D phải nộp án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng theo biên lai số 0000754 ngày 10/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. A Bùi Minh D được hoàn trả lại số tiền 13.700.000 đồng (*mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện Sông Mã;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nậm Han, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lô Văn Long